

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn Hòa Phát (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
Ông Chu Quang Vũ	Thành viên
Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên
Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
Ông Chu Quân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31/03/2008)
Ông Vũ Đức Sính	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31/03/2008)
Bà Vũ Thị Ánh Tuyết	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31/03/2008)
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31/03/2008)
Ông Don Di Lâm	Thành viên
Ông Lars Kjaer	Thành viên (bổ nhiệm ngày 9/6/2008)

Ban Giám đốc

Ông Trần Tuấn Dương	Tổng Giám đốc
Ông Chu Quang Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kiều Chí Công	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02/04/2008)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, ngày 17 tháng 3 năm 2009

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2008 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Khác biệt trong xử lý kế toán

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 7 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2008, Công ty đã thực hiện đánh giá về giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho một cách thận trọng trên cơ sở nhận định giá bán **hàng** trong tương lai, giá vật tư mua vào tại ngày 31/12/2008 và ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2008 khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền khoảng 96 tỷ đồng. Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 02 - Hàng tồn kho, việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng tin cậy thu thập được tại thời điểm ước tính. Trên cơ sở thông tin, tài liệu tại thời điểm lập báo cáo này, ước tính dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập là khoảng 1,4 tỷ đồng, theo đó, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008 bị phản ánh thấp hơn với số tiền khoảng 94,6 tỷ đồng.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý:

Như đã trình bày tại phần chính sách ghi nhận doanh thu tại Thuyết minh số 03 - Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, đến ngày 31/12/2008, Công ty chưa nhận được các quyết định về việc phân chia cổ tức và lợi nhuận của các công ty nhận đầu tư. Do đó, Công ty đang ghi nhận lãi từ các khoản đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính năm 2008 khi Công ty thực nhận lãi bằng tiền.

Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 17 tháng 3 năm 2009

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Nam Phong

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0929/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01 - DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.299.192.852.302	1.370.076.723.727
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	177.607.212.264	168.060.437.591
1. Tiền	111		25.307.212.264	67.060.437.591
2. Các khoản tương đương tiền	112		152.300.000.000	101.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		435.400.000.000	130.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	435.400.000.000	130.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		301.761.519.731	483.414.134.421
1. Phải thu khách hàng	131		181.570.516.459	204.990.250.091
2. Trả trước cho người bán	132		14.006.864.680	12.759.619.734
3. Các khoản phải thu khác	135	6	106.184.138.592	265.664.264.596
IV. Hàng tồn kho	140	7	369.883.867.407	542.009.083.791
1. Hàng tồn kho	141		465.578.036.404	542.133.358.241
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(95.694.168.997)	(124.274.450)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.540.252.900	46.593.067.924
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		196.850.972	390.845.537
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	8	6.819.317.975	3.926.042.502
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	7.524.083.953	42.276.179.885
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+250+260)	200		2.934.609.371.196	2.108.920.098.192
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		55.000.000.000	200.000.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	218	10	55.000.000.000	200.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		482.367.293.173	365.926.361.010
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	311.763.009.972	355.892.536.617
- Nguyên giá	222		528.316.252.231	501.673.162.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(216.553.242.259)	(145.780.626.333)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	170.538.479.256	5.658.598.811
- Nguyên giá	228		172.217.754.163	7.110.788.763
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.679.274.907)	(1.452.189.952)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	65.803.945	4.375.225.582
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.394.770.312.298	1.541.200.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	2.021.270.312.298	1.151.200.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	15	373.500.000.000	190.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	16	-	200.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.471.765.725	1.793.737.182
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	2.387.444.342	1.225.239.128
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	72.977.063	557.153.734
3. Tài sản dài hạn khác	268		11.344.320	11.344.320
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		4.233.802.223.498	3.478.996.821.919

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01 - DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		400.565.719.230	573.581.699.616
I. Nợ ngắn hạn	310		397.688.888.730	371.323.644.616
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	223.941.688.330	88.792.738.707
2. Phải trả người bán	312		137.579.822.695	119.513.053.789
3. Người mua trả tiền trước	313		7.210.555.796	31.060.533.605
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	17.440.327.443	27.425.269.275
5. Phải trả người lao động	315		4.339.270.750	3.439.922.500
6. Chi phí phải trả	316		2.874.531.854	785.936.280
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	4.302.691.862	100.306.190.460
II. Nợ dài hạn	330		2.876.830.500	202.258.055.000
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	200.000.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.876.830.500	2.258.055.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		3.833.236.504.268	2.905.415.122.303
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	3.815.472.963.442	2.900.183.529.182
1. Vốn điều lệ	411		1.963.639.980.000	1.320.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.620.900.010.000	1.315.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		38.474.752.000	14.929.217.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		192.458.221.442	250.254.312.182
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		17.763.540.826	5.231.593.121
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		17.763.540.826	5.231.593.121
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		4.233.802.223.498	3.478.996.821.919

Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng

Hưng Yên, ngày 17 tháng 3 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.258.876.995.884	2.319.078.325.944
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		39.232.333.128	24.970.078.390
- Chiết khấu thương mại	04		25.019.531.470	21.290.259.360
- Hàng bán bị trả lại	06		10.930.499.390	3.679.819.030
- Thuế xuất khẩu phải nộp	07		3.282.302.268	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	4.219.644.662.756	2.294.108.247.554
4. Giá vốn hàng bán	11	23	3.714.995.562.452	1.937.109.219.485
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		504.649.100.304	356.999.028.069
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	443.394.820.259	121.638.350.129
Trong đó: Lãi thực nhận từ các khoản đầu tư vào công ty con			330.540.730.604	104.750.000.000
7. Chi phí tài chính	22	26	68.444.659.531	10.844.155.019
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.641.667.310	9.555.753.555
8. Chi phí bán hàng	24		15.505.959.479	12.203.024.479
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.011.713.104	21.524.326.243
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		836.081.588.449	434.065.872.457
11. Thu nhập khác	31		13.247.591.474	5.041.241.229
12. Chi phí khác	32		1.433.105.636	1.128.237.838
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	24	11.814.485.838	3.913.003.391
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		847.896.074.287	437.978.875.848
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	58.024.803.169	34.137.152.158
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	484.176.671	(341.805.492)
17. Lợi nhuận sau thuế (60 = 50-51-52)	60		789.387.094.447	404.183.529.182

Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng

Hưng Yên, ngày 17 tháng 3 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2008	Năm 2007
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	847.896.074.287	437.978.875.848
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	71.158.692.366	36.015.641.452
- Các khoản dự phòng	03	96.188.670.047	682.736.950
- Lỗi/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	121.455.022	(849.196.614)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(424.147.855.156)	(117.036.482.117)
- Chi phí lãi vay	06	22.641.667.310	9.555.753.555
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	613.858.703.876	366.347.329.074
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(32.761.948.495)	(107.084.683.739)
- Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	76.555.321.837	(352.711.139.481)
- (Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	11.350.783.144	99.740.065.889
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(968.210.649)	1.098.865.661
- Tiền lãi vay đã trả	13	(22.276.682.631)	(9.588.247.716)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(69.132.079.183)	(11.339.738.841)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	34.237.178.282	6.889.431.732
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(9.754.034.296)	(43.131.069.173)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	601.109.031.885	(49.779.186.594)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(189.794.507.690)	(11.911.267.509)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	690.964.727	515.151.515
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(506.200.000.000)	(1.267.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	392.500.000.000	874.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.053.307.305.698)	(1.541.200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	200.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	390.151.717.729	115.305.200.246
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(765.959.130.932)	(1.829.790.915.748)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	528.760.000.000	2.335.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.410.921.016.366	693.077.486.315
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.315.579.709.089)	(870.303.683.860)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(11.711.746.921)
5. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(449.647.586.000)	(101.289.873.995)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	174.453.721.277	2.044.772.181.539
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)	50	9.603.622.230	165.202.079.197
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	168.060.437.591	2.880.222.781
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(56.847.557)	(21.864.387)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (50+60+61)	70	177.607.212.264	168.060.437.591

Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, ngày 17 tháng 3 năm 2009

Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoà Phát (gọi tắt là “Công ty”), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 12/12/2008 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày 26/10/2001). Vốn điều lệ của Công ty là 1.963.639.980.000 đồng, tổng số cổ phiếu là 196.363.998 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, trong đó:

	Số cổ phiếu	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/ vốn điều lệ
Cổ đông sáng lập	70.812.000	708.120.000.000	36,06%
Cổ đông khác	125.551.998	1.255.519.980.000	63,94%
	196.363.998	1.963.639.980.000	100%

Tổ chức của Công ty gồm:

- Văn phòng Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoà Phát tại Hưng Yên;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoà Phát tại Hà Nội;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoà Phát tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoà Phát tại Hồ Chí Minh;
- Văn phòng đại diện Vientiane tại CHDCND Lào (dừng hoạt động từ ngày 31/1/2008); và
- Văn phòng đại diện Tập đoàn Hoà Phát tại Campuchia (đã tạm dừng hoạt động từ ngày 01/01/2008).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2008 là 1.010 người (năm 2007: 1.001 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là:

- Đầu tư tài chính;
- Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép;
- Sản xuất cán, kéo thép, sản xuất tôn lợp;
- Sản xuất ống thép không mạ và có mạ, ống inox;
- Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, đặt, sửa chữa, bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, điều hoà không khí;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, hàng nội thất phục vụ văn phòng, gia đình trường học;
- Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị;
- Sản xuất kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
- Xây dựng công nghiệp, xây dựng dân dụng;
- Sản xuất xi măng và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản; kinh doanh dịch vụ cho thuê nhà, văn phòng, tài sản; và
- Dịch vụ thể dục, thể thao (đào tạo, tổ chức thi đấu, chuyển giao vận động viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty đã được dịch sang Tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2008 (Số năm)	Năm 2007 (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 12	15
Máy móc và thiết bị	03 - 10	10 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 07	04 - 08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Trong năm 2008, Công ty thực hiện đánh giá lại thời gian sử dụng hữu ích của tài sản và thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản cố định. Việc thay đổi này làm cho chi phí khấu hao năm 2008 của Công ty tăng lên với số tiền khoảng 32 tỷ đồng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị bản quyền vi tính, phần mềm kế toán, khoản chi phí đền bù giải phóng mặt bằng để có được quyền sử dụng đất tại Hưng Yên trong 35 năm và quyền sử dụng đất tại số 10 Trần Hưng Đạo, Hà Nội. Thời gian khấu hao của bản quyền vi tính, phần mềm kế toán lần lượt là 6 năm và 3 năm; thời gian khấu hao của quyền sử dụng là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng đất tại Hưng Yên là 35 năm theo thời hạn sử dụng quy định trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên cấp; và quyền sử dụng đất lâu dài tại số 10 Trần Hưng Đạo không tính hao mòn.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản lãi tiền gửi và lãi do chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Đến ngày 31/12/2008, Công ty chưa nhận được các quyết định về việc phân chia cổ tức và lợi nhuận của các công ty nhận đầu tư. Do đó, Công ty đang ghi nhận lãi từ các khoản đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính năm 2008 khi Công ty thực nhận lãi bằng tiền.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế giá trị gia tăng đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với sản phẩm cán, thép, phôi thép và phôi thép là 5%. Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Công ty đang hoạt động trong giai đoạn ưu đãi đầu tư theo các Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 01/UĐĐT-UB ngày 09/1/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và số 052 01 000 026 ngày 02/05/2007 của Ban quản lý các Khu công nghiệp Hưng Yên (thay thế Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 35/UĐĐT-UB ngày 24/5/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên).

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Quỹ

Theo Điều lệ của Công ty, hàng năm Công ty thực hiện trích lập Quỹ dự phòng tài chính với mức không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi Quỹ dự phòng tài chính bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Tiền mặt	1.298.071.651	449.706.671
Tiền gửi ngân hàng	24.009.140.613	66.610.730.920
Các khoản tương đương tiền (*)	152.300.000.000	101.000.000.000
	177.607.212.264	168.060.437.591

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	365.800.000.000	-
Cho các công ty trong cùng Tập đoàn vay (xem thêm thuyết minh số 29)	44.600.000.000	130.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	25.000.000.000	-
	435.400.000.000	130.000.000.000

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Phải thu các khoản cho các công ty con vay (Xem thêm thuyết minh số 29)	70.800.000.000	262.500.000.000
Phải thu lãi đầu tư ngắn hạn, tương đương tiền, cho các công ty con vay	34.571.812.638	1.939.783.333
Các khoản phải thu khác	812.325.954	1.224.481.263
	106.184.138.592	265.664.264.596

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	119.704.434.120	132.189.974.675
Nguyên liệu, vật liệu	251.881.095.881	223.229.941.779
Công cụ, dụng cụ	6.957.971	3.025.030
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.359.500	-
Thành phẩm	80.221.404.060	164.595.553.983
Hàng hoá	13.757.784.872	17.704.406.273
Hàng gửi đi bán	-	4.410.456.501
	465.578.036.404	542.133.358.241
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(95.694.168.997)	(124.274.450)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	369.883.867.407	542.009.083.791

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. HÀNG TỒN KHO (Tiếp theo)**

Tại ngày 31/12/2008, Công ty đã xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho và ghi nhận khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 95.694.168.997 đồng. Việc lập dự phòng này căn cứ trên cơ sở thông tin, tài liệu tại ngày 31/12/2008 và giá bán ước tính của thành phẩm trong năm 2009, cũng như giá vật tư mua vào của vật tư cùng loại tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị dự phòng này có thể thay đổi tùy thuộc vào các bằng chứng tin cậy thu thập được tại thời điểm lập báo cáo.

8. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	6.819.317.975	3.926.042.502
	6.819.317.975	3.926.042.502

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	6.342.690	-
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	898.039.099	1.511.281.439
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (*)	6.619.702.164	40.764.898.446
	7.524.083.953	42.276.179.885

(*) Ký cược, ký quỹ ngắn hạn thể hiện các khoản tiền ký quỹ mở LC tại các ngân hàng để thanh toán cho các hợp đồng nhập khẩu mua vật tư của Công ty.

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Các khoản tiền ủy thác đầu tư (Xem thêm thuyết minh số 16)	-	200.000.000.000
Phải thu các khoản cho các công ty con vay (Xem thêm thuyết minh số 29)	55.000.000.000	-
	55.000.000.000	200.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH***Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2008	86.543.447.242	394.620.046.352	19.370.716.257	1.138.953.099	501.673.162.950
Mua trong năm	239.316.000	5.838.958.316	17.234.435.679	523.228.686	23.835.938.681
Xây dựng cơ bản chuyển sang	70.961.895	4.424.826.728	-	-	4.495.788.623
Góp vốn	-	(263.006.600)	-	-	(263.006.600)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.380.022.478)	(13.154.545)	(1.393.177.023)
Giảm khác	-	(13.190.000)	(19.264.400)	-	(32.454.400)
Số dư tại 31/12/2008	86.853.725.137	404.607.634.796	35.205.865.058	1.649.027.240	528.316.252.231
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2008	21.954.178.231	117.366.757.003	5.672.409.022	787.282.077	145.780.626.333
Khấu hao trong năm	8.673.442.045	57.743.424.364	4.251.098.758	263.642.244	70.931.607.411
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(145.653.545)	(2.192.424)	(147.845.969)
Giảm khác	-	(8.068.561)	(3.076.955)	-	(11.145.516)
Số dư tại 31/12/2008	30.627.620.276	175.102.112.806	9.774.777.280	1.048.731.897	216.553.242.259
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 31/12/2008	56.226.104.861	229.505.521.990	25.431.087.778	600.295.343	311.763.009.972
Tại 31/12/2007	64.589.269.011	277.253.289.349	13.698.307.235	351.671.022	355.892.536.617

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp máy móc thiết bị với tổng giá trị thế chấp theo hợp đồng thế chấp là 19.289.132.453 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm máy móc, thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2008 là 2.395.000.861 đồng (năm 2007: 255.473.390 đồng).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, Phần mềm máy tính	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2008	7.088.788.763	22.000.000	7.110.788.763
Tăng trong năm	164.067.280.000	1.039.685.400	165.106.965.400
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2008	171.156.068.763	1.061.685.400	172.217.754.163
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2008	1.430.189.952	22.000.000	1.452.189.952
Tăng trong năm	202.536.828	24.548.127	227.084.955
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2008	1.632.726.780	46.548.127	1.679.274.907
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 31/12/2008	169.523.341.983	1.015.137.273	170.538.479.256
Tại 31/12/2007	5.658.598.811	-	5.658.598.811

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	4.375.225.582	25.218.895
Tăng trong năm	1.043.086.744	4.350.006.687
Tăng giá trị tài sản cố định	(4.495.788.623)	-
Giảm khác	(856.719.758)	-
Tại ngày 31 tháng 12	65.803.945	4.375.225.582

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Trong năm, Công ty thực góp thêm vốn vào các công ty con, đồng thời đầu tư vốn để trở thành cổ đông sáng lập của công ty con mới thành lập. Chi tiết các công ty con này như sau:

Tên Công ty con	Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty	
	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát	139.500.000.000	139.500.000.000
Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát	199.000.000.000	149.000.000.000
Công ty TNHH Ống Thép Hòa Phát	199.500.000.000	159.500.000.000
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	149.500.000.000	99.500.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	149.000.000.000	149.000.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Hòa Phát	49.500.000.000	29.500.000.000
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát	705.300.000.000	425.000.000.000
Công ty Cổ phần Thép cán tấm Kinh Môn	425.000.000.000	200.000.000
Công ty TNHH Hòa Phát Lào (*)	4.970.312.298	-
	2.021.270.312.298	1.151.200.000.000

(*) Ngày thành lập công ty là ngày 01/02/2008.

Thông tin chi tiết về đầu tư góp vốn vào các Công ty con của Công ty đến ngày 31/12/2008 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát	Hà Nội	99,64%	Chuyên kinh doanh máy xây dựng vừa và nhỏ, máy khai thác đá phục vụ cho các công trình xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, là đại lý độc quyền cung cấp thiết bị xây dựng.
Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát	Hà Nội	99,50%	Sản xuất hàng nội thất phục vụ văn phòng, gia đình, trường học bằng gỗ và sắt; buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu là hàng nội thất); và đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	Hà Nội	99,75%	Sản xuất các loại ống thép và sản phẩm thép cán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần số hữu và biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	Hưng Yên	99,67%	Sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa Plastic, sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, điều hòa không khí. Sản phẩm chính của công ty mang nhãn hiệu Funiki bao gồm: bình nước nóng, điều hòa.
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	Hà Nội	99,33%	Xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà và văn phòng, đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp.
Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Hà Nội	99%	Kinh doanh mua bán, nhập khẩu các loại thép cuộn, thép tấm, ống mạ kẽm, ống đúc, và sắt thép phế liệu.
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát	Hải Dương	85%	Sản xuất sắt, thép, gang; khai thác quặng sắt; khai thác và thu gom than non.
Công ty Cổ phần Thép cán tấm Kinh Môn	Hải Dương	85%	Sản xuất sắt, thép, gang; rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; bán buôn kim loại và quặng kim loại; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa.
Công ty TNHH Hòa Phát Lào	Lào	100%	Thăm dò khoáng sản theo các địa điểm được chính phủ CHDCND Lào cấp phép.

Trong năm 2008, Công ty đã nhận được các khoản chia lãi năm 2007 và lãi tạm chia năm 2008 của các công ty con. Các khoản lãi này đã được Công ty ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (Chi tiết xem thêm Thuyết minh số 25).

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Tên công ty	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát	73.500.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hòa Phát	300.000.000.000	150.000.000.000
Công ty Cổ phần Khai khoáng Hòa Phát	-	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát- Á Châu	-	-
	373.500.000.000	190.000.000.000

Trong năm 2008, Công ty không nhận được các Thông báo phân chia cổ tức, lợi nhuận nào từ các công ty liên kết trên. Theo đó, không phát sinh khoản lợi nhuận nào từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

Theo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008 của các công ty nhận đầu tư và kế hoạch kinh doanh của Công ty, không có khoản dự phòng nào cần phải trích lập cho các khoản đầu tư trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31/12/2008 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xi măng Hòa Phát (*)	Hà Nam	50%	Sản xuất và tiêu thụ clinker, xi măng; sản xuất và kinh doanh phụ liệu và các chất phụ gia xi măng; khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng.
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát	Hưng Yên	49%	Khai thác và thu gom than; khai thác quặng; khai thác đá; sản xuất sắt thép.
Công ty Cổ phần Khai khoáng Hòa Phát	Kon tum	40%	Khai thác và thu gom than; khai thác quặng; khai thác đá; sản xuất sắt thép; trồng và chăm sóc rừng.
Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát-Á Châu (**)	Hà Nội	30%	Xây dựng nhà, công trình dân dụng, chuyên dụng; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; kinh doanh vật liệu xây dựng.

(*) Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty Cổ phần Xi măng Hòa Phát, Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát chưa đủ điều kiện ghi nhận là công ty con của Công ty do Công ty chưa có đầy đủ quyền kiểm soát và chỉ phối chính sách tài chính và hoạt động đối với các công ty này.

(**): Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát - Á Châu được thành lập ngày 31/12/2008.

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Theo Nghị quyết số 07/NQ-NHHV ngày 15/9/2008, Đại hội đồng cổ đông lần thứ 4 của Ngân hàng TMCP Hồng Việt đã chấm dứt việc thành lập Ngân hàng TMCP Hồng Việt. Theo đó, trong năm 2008, Công ty đã nhận lại khoản vốn đã góp năm 2007 để thành lập ngân hàng này với số vốn góp là 400 tỷ đồng, trong đó bao gồm số tiền 200 tỷ đồng là khoản Công ty nhận ủy thác đầu tư từ các tổ chức kinh tế. Công ty cũng đã thực hiện thanh lý và hoàn trả lại khoản nhận ủy thác đầu tư này cho các tổ chức kinh tế trong năm 2008. Theo đó, giá trị khoản mục Đầu tư dài hạn khác, khoản mục Phải thu dài hạn khác và khoản mục Phải trả dài hạn khác của Công ty đã được ghi giảm tương ứng với số tiền là 200 tỷ đồng cho mỗi khoản mục.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Tại ngày 1 tháng 1	1.225.239.128	571.093.673
Tăng	3.263.037.479	1.386.927.428
Phân bổ vào chi phí trong năm	(2.100.832.265)	(732.781.973)
Tại ngày 31 tháng 12	2.387.444.342	1.225.239.128

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	Tại ngày 31/12/2007 VND	Chuyển sang lợi nhuận/(lỗ) trong năm VND	Tại ngày 31/12/2008 VND
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	208.616.514	14.397.160	223.013.674
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(85.908.976)	96.504.532	10.595.556
Lợi nhuận chưa thực hiện	434.446.196	(595.078.363)	(160.632.167)
	557.153.734	(484.176.671)	72.977.063

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Vay ngắn hạn	223.941.688.330	75.141.803.069
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	-	56.005.637.514
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Thăng Long	2.138.612.793	5.241.769.146
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	66.959.644.214	13.894.396.409
Ngân hàng HSBC chi nhánh Hà Nội	33.150.857.518	-
Ngân hàng ANZ	84.469.443.641	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Hà Thành	37.223.130.164	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	13.650.935.638
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	-	1.405.185.703
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Thăng Long	-	12.245.749.935
	223.941.688.330	88.792.738.707

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thăng Long dưới hình thức hợp đồng hạn mức tín dụng với thời gian tối đa là 12 tháng theo Hợp đồng số 1200-LAV-200801017 ngày 20/05/2008. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 150.000.000.000 đồng. Khoản vay chịu lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ theo quy định chung của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và hướng dẫn của Chi nhánh Thăng Long. Lãi vay sẽ được trả hàng tháng vào ngày 30 hàng tháng. Tài sản đảm bảo vay của Công ty là tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay ngắn hạn tín chấp Ngân hàng Ngoại thương Thành Công dưới hình thức hợp đồng tín dụng hạn mức với thời gian tối đa là 4 tháng theo Hợp đồng số 02/08/HM ngày 04/11/2008. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 150.000.000.000 đồng. Khoản vay chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ theo thông báo lãi suất của Ngân hàng Ngoại thương Thành Công, lãi vay được trả hàng tháng từ ngày 26 đến ngày cuối tháng. Tài sản đảm bảo vay là máy móc thiết bị trị giá 19.289.132.453 đồng theo Hợp đồng đảm bảo số 01/08/TSDB/NHNTTC ngày 16/04/2008.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng HSBC chi nhánh Hà Nội dưới hình thức hợp đồng tín dụng hạn mức với thời gian tối đa là 90 ngày theo Hợp đồng số VHN CDT070092 ngày 18/12/2007. Khoản tín dụng này dùng để mở L/C với hạn mức là 7.000.000 USD và tài trợ nhập khẩu để mua nguyên vật liệu và/hoặc thanh toán các nghĩa vụ sau khi mở L/C trong thời hạn tối đa 90 ngày với hạn mức là 7.000.000 USD hoặc tương đương bằng VND. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất cơ bản cộng phí ngân hàng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu với giá trị ít nhất 7.000.000 USD và trong thời hạn vay, Công ty phải chuyển ít nhất 20% doanh thu vào tài khoản của Công ty tại Ngân hàng HSBC.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng ANZ chi nhánh Hà Nội theo Thư đề nghị ngày 28/02/2008 của Ngân hàng ANZ và phụ lục ngày 16/04/2008. Khoản tín dụng này dùng để mở L/C với hạn mức 10.000.000 USD và tài trợ vốn lưu động với hạn mức 6.000.000 USD hoặc VND tương đương. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất cơ bản cộng phí ngân hàng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp với quyền ưu tiên thanh toán thứ nhất đối với phần phôi thép và thép thành phẩm tồn kho trị giá 7.500.000 USD, cộng với toàn bộ thép phế tồn kho cho Ngân hàng và trong thời hạn vay, Công ty phải chuyển ít nhất 20% doanh thu hàng tháng vào tài khoản của Công ty tại Ngân hàng ANZ.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành dưới hình thức hợp đồng tín dụng hạn mức theo Hợp đồng số 00122/2008/0000993 ngày 23/06/2008. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 60.000.000.000 đồng. Khoản vay chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ, lãi vay được trả hàng tháng vào ngày 25 hàng tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	13.620.974.818	1.942.949.531
Thuế xuất, nhập khẩu	1.505.173.795	45.396.262
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.245.946.199	25.417.558.026
Thuế thu nhập cá nhân	68.232.631	-
Các loại thuế khác	-	19.365.456
	17.440.327.443	27.425.269.275

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Phải trả tiền cổ tức	837.360.000	57.756.950.000
Vay của công ty con (xem thêm Thuyết minh số 29)	-	40.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.465.331.862	2.549.240.460
	4.302.691.862	100.306.190.460

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2007	300.000.000.000	-	-	27.046.823.995	327.046.823.995
Tăng trong năm					
Tăng vốn	1.020.000.000.000	1.315.000.000.000	-	-	2.335.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	404.183.529.182	404.183.529.182
Trích quỹ	-	-	14.929.217.000	-	14.929.217.000
Tăng do thu lại lãi đã chia quá	-	-	-	2.671.636.000	2.671.636.000
Giảm trong năm					
Tạm trích các quỹ	-	-	-	(21.929.217.000)	(21.929.217.000)
Chia lãi năm 2006	-	-	-	(29.718.459.995)	(29.718.459.995)
Thông báo tạm ứng cổ tức năm 2007	-	-	-	(132.000.000.000)	(132.000.000.000)
Số dư tại 31/12/2007	1.320.000.000.000	1.315.000.000.000	14.929.217.000	250.254.312.182	2.900.183.529.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2008	1.320.000.000.000	1.315.000.000.000	14.929.217.000	250.254.312.182	2.900.183.529.182
Tăng trong năm					
Bán cổ phần	82.600.000.000	446.160.000.000	-	-	528.760.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	420.779.990.000	-	-	(420.779.990.000)	-
Cổ phiếu thưởng	140.259.990.000	(140.259.990.000)	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	789.387.094.447	789.387.094.447
Điều chỉnh thuế TNDN năm 2007 (*)				12.064.335.813	12.064.335.813
Trích quỹ	-	-	23.545.535.000	-	23.545.535.000
Giảm trong năm	-	-	-		
Tạm trích các quỹ	-	-	-	(43.169.535.000)	(43.169.535.000)
Thông báo tạm ứng cổ tức năm 2008	-	-	-	(392.727.996.000)	(392.727.996.000)
Thù lao BKS, HĐQT				(2.570.000.000)	(2.570.000.000)
Số dư tại 31/12/2008	1.963.639.980.000	1.620.900.010.000	38.474.752.000	192.458.221.442	3.815.472.963.442

(*): Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 052 01 000 026 ngày 02/05/2007 của Ban quản lý các Khu công nghiệp Hưng Yên thì Công ty vẫn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm 2007 của Nhà máy Phôi. Tuy nhiên, Công ty đã không tính toán các ưu đãi miễn thuế này trong năm 2007. Do vậy, Công ty đã thực hiện điều chỉnh giảm số thuế đã trích trong năm 2008

b. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ được tăng trong năm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQHP-01/2008 ngày 18/01/2008 và Nghị quyết số 01/NQHP-06/2008 ngày 9/6/2008. Theo đó,

- Công ty thực hiện chào bán riêng lẻ cho các đối tác chiến lược (thực tế bán 8.260.000 cổ phần, thặng dư vốn thu được là 446.160.000.000 đồng); và
- Phát hành tăng vốn bằng cách chia cổ phiếu thưởng lấy từ nguồn thặng dư vốn cổ phần (số cổ phiếu thưởng thực tế là 14.025.999 cổ phần, giá trị là 140.259.990.000 đồng) và chia cổ tức năm 2007 từ lợi nhuận sau thuế bằng 40% (10% đã tạm ứng bằng tiền ngày 31/12/2007) và 30% bằng cổ phiếu (số cổ phần tăng thêm là 42.077.999 cổ phần, giá trị là 420.779.990.000 đồng).

Theo Quyết định số 56/QĐ-SGDHCM ngày 19/5/2008 và Quyết định số 97/QĐ-SGDHCM ngày 20/8/2008 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã được niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm nêu trên.

c. Cổ tức

Trong năm 2008, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát đã ban hành Nghị quyết số 04/NQHP-08/2008 ngày 18/08/2008 và Quyết định số 01/QĐHP-11/2008 ngày 24/11/2008 về việc tạm ứng cổ tức năm 2008 với tỷ lệ trả cổ tức theo từng lần là 10% trên mệnh giá. Tổng số cổ tức thông báo tạm ứng là 392.727.996.000 đồng. Đến ngày 31/12/2008, Công ty đã thanh toán cổ tức năm 2008 cho cổ đông với số tiền là 392.178.936.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****d. Số cổ phiếu đang lưu hành**

	<u>31/12/2008</u>	<u>31/12/2007</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	196.363.998	132.000.000
Cổ phiếu phổ thông	196.363.998	132.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ

Trong năm 2008, Công ty tạm trích Quỹ dự phòng tài chính với số tiền là 23.545.535.000 đồng.

Theo Quyết định số 02-12/QĐ-TQ ngày 31/12/2008, Quỹ khen thưởng phúc lợi cũng được tạm trích với số tiền là 19.624.000.000 đồng. Việc trích quỹ sẽ được thông qua vào cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009.

23. DOANH THU - GIÁ VỐN

	<u>Năm 2008</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2007</u> <u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.258.876.995.884	2.319.078.325.944
Doanh thu bán hàng	4.258.876.995.884	2.319.078.325.944
Các khoản giảm trừ	39.232.333.128	24.970.078.390
Chiết khấu thương mại	25.019.531.470	21.290.259.360
Hàng bán bị trả lại	10.930.499.390	3.679.819.030
Thuế xuất khẩu	3.282.302.268	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.219.644.662.756	2.294.108.247.554
Giá vốn hàng hóa và sản phẩm đã cung cấp	3.714.995.562.452	1.937.109.219.485
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.619.425.667.905	1.936.984.945.035
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	95.569.894.547	124.274.450

24. LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<u>Năm 2008</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2007</u> <u>VND</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	690.964.727	515.151.515
Tiền thu hỗ trợ lãi suất đầu tư (*)	1.211.502.194	2.165.677.533
Tiền thu từ phạt vi phạm hợp đồng	7.408.348.786	1.401.981.057
Khác	3.936.775.767	958.431.124
Thu nhập khác	13.247.591.474	5.041.241.229
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	1.245.331.054	956.820.541
Khác	187.774.582	171.417.297
Chi phí khác	1.433.105.636	1.128.237.838
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	11.814.485.838	3.913.003.391

(*) Khoản hỗ trợ lãi suất của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên cho các khoản vay dài hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thăng Long cho dự án xây dựng Nhà máy Cán và Nhà máy Phôi. Số ghi nhận thu nhập khác là theo số thông báo và thanh toán tiền của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	75.476.866.838	11.645.483.579
Lãi tiền góp vốn thành lập Ngân hàng Hong Viet	11.199.625.880	-
Lãi đầu tư trái phiếu ngắn hạn	7.506.307.046	1.000.000.000
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư vào công ty con (*)	330.540.730.604	104.750.000.000
- Công ty Cổ phần Nội thất Hoà Phát	57.538.029.158	25.700.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hoà Phát	22.110.776.070	36.000.000.000
- Công ty Thiết bị Phụ tùng Hoà Phát	43.926.085.245	12.000.000.000
- Công ty TNHH Thương Mại Hoà Phát	54.731.530.758	4.000.000.000
- Công ty TNHH Điện Lạnh Hoà Phát	23.392.834.509	13.000.000.000
- Công ty TNHH Ống thép Hoà Phát	128.841.474.864	14.050.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.671.289.891	3.393.669.936
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	849.196.614
	443.394.820.259	121.638.350.129

(*) Lợi nhuận từ các khoản đầu tư vào công ty con bao gồm tiền cổ tức năm 2007 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên của các công ty con là 213.040.730.604 đồng và tiền Công ty thực nhận từ các khoản lãi tạm chia năm 2008 của các công ty con là 117.500.000.000 đồng.

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Lãi tiền vay	22.641.667.310	9.555.753.555
Chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	45.684.271.182	1.137.901.464
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	118.721.039	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	150.500.000
	68.444.659.531	10.844.155.019

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Nhà máy Phôi	Nhà máy Cán	Lãi hoạt động khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm hiện tại				
Lợi nhuận trước thuế	373.206.303.770	409.689.235.919	65.000.534.598	847.896.074.287
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế				
Trừ:				
Lợi nhuận của Công ty con chuyển về	(157.568.766.279)	(172.971.964.325)	-	(330.540.730.604)
Lợi nhuận chưa thực hiện	(3.389.003.523)	(3.720.296.923)	-	(7.109.300.446)
Cộng:				
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	56.594.319	62.126.720	-	118.721.039
Trích quỹ Dự phòng trợ cấp mất việc làm	208.166.044	228.515.399	-	436.681.443
Chi phí không được khấu trừ khác	203.166.240	223.026.838	-	426.193.078
Thu nhập chịu thuế	212.716.460.571	233.510.643.628	65.000.534.598	511.227.638.797
Thuế suất	5,0%	12,5%	28%	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.635.823.029	29.188.830.453	18.200.149.687	58.024.803.169
Thuế thu nhập hoãn lại	230.807.019	253.369.652	-	484.176.671
(xem thuyết minh 18)				
	10.866.630.048	29.442.200.105	18.200.149.687	58.508.979.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)**

Công ty đang trong thời kỳ được hưởng ưu đãi về đầu tư theo các Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 01/UĐĐT-UB ngày 09/1/2002, số 35/UĐĐT-UB ngày 24/5/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và Giấy chứng nhận đầu tư ngày 2/5/2007-BQL KCN Phố Nối A.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 01/UĐĐT-UB ngày 09/01/2002, thu nhập từ Nhà máy Cán của Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lãi và được miễn 50% trong 4 năm tiếp theo, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%. Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 052 01 000 026 ngày 02/05/2007 của Ban quản lý các Khu công nghiệp Hưng Yên, thu nhập từ Nhà máy Phôi của Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lãi và được miễn 50% trong 9 năm tiếp theo, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% cho 15 năm.

Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi từ năm 2004. Năm 2006 là năm bắt đầu tính thuế cho Nhà máy Cán, năm 2008 là năm đầu tiên tính thuế cho Nhà máy Phôi.

Công ty chưa thực hiện hạch toán các hoạt động riêng biệt cho Nhà máy Phôi và Nhà máy Cán để hưởng các chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho từng nhà máy. Công ty tính thu nhập chịu thuế cho hoạt động của Nhà máy Phôi và Nhà máy Cán theo tỷ trọng tài sản là chi phí giải phóng mặt bằng, giá trị nhà xưởng, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải của hai nhà máy này tại ngày 31/12/2006 (Nhà máy Phôi chiếm 47,67% tài sản, Nhà máy Cán chiếm 52,33% tài sản).

28. CÁC KHOẢN CAM KẾT***Cam kết góp vốn:****Đơn vị tính: VND*

Góp vốn	Vốn cam kết	Đã thực hiện đến 31/12/2008	Chưa thực hiện đến 31/12/2008
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát	850.000.000.000	705.300.000.000	144.700.000.000
Công ty Cổ phần Khai khoáng Hòa Phát- SSG	12.000.000.000	-	12.000.000.000
Công ty Hòa Phát Lào (*)	50.931.000.000	4.970.312.298	45.960.687.702
Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát- Á Châu	90.000.000.000	-	90.000.000.000
	1.002.931.000.000	710.270.312.298	292.660.687.702

(*) Số vốn góp theo đăng ký kinh doanh là 3.000.000 USD.

Cam kết thuê hoạt động:

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	218.343.233	123.573.900

Tại ngày 31 tháng 12, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Trong vòng một năm	727.444.200	123.573.900
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.324.436.800	902.896.800
Sau năm năm	5.621.681.400	5.621.681.400
	8.673.562.400	6.648.152.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Thuê 41.694 m² đất tại xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên với giá thuê 102.150.300 đồng/năm. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 35 năm tính từ ngày 23/7/2003.
- Thuê 27.937 m² đất tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên với giá thuê 58.667.700 đồng/năm. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 35 năm tính từ ngày 27/1/2000.
- Thuê 36.059 m² đất tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên với giá thuê 64.906.200 đồng/năm. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 35 năm tính từ ngày 29/6/2000.
- Thuê 1.130 m² kho tại khu công nghiệp Sóng Thần, Bình Dương với giá thuê 37.000đ/m²/tháng. Hợp đồng thuê kho với thời hạn 3 năm tính từ ngày 24/10/2008.

Công ty đang được hưởng các ưu đãi về thuê đất theo các Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 01/UĐĐT-UB ngày 09/1/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và số 052 01 000 026 ngày 02/05/2007 của Ban quản lý các Khu công nghiệp Hưng Yên (thay thế Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 35/UĐĐT-UB ngày 24/5/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên).

Cam kết bảo lãnh vay:

Theo Thư bảo lãnh số 13-01/NH-HP ngày 16/01/2008, Công ty cam kết bảo lãnh thanh toán cho khoản vay và nghĩa vụ thanh toán các LC đến hạn thanh toán của Công ty Cổ phần Năng lượng Hiệp Sơn với Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Tổng giá trị bảo lãnh tối đa quy đổi là 600 tỷ đồng. Bảo lãnh này có hiệu lực cho đến khi Công ty Cổ phần Năng lượng Hiệp Sơn thực hiện đầy đủ xong tất cả nghĩa vụ trả nợ của mình với Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:*

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị Hoà Phát	106.443.364.760	3.317.382.200
Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hoà Phát	26.530.863.804	3.277.985.690
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát	14.071.482.262	-
Công ty Quản lý khai thác KCN Phố Nối A	6.113.675.516	9.156.941.097
Công ty TNHH Ống thép Hoà Phát	520.937.269	144.589.869
Công ty Chế tạo máy xây dựng và Khai thác mỏ Hoà Phát	442.517.704	986.570.669
Công ty Cổ phần Nội thất Hoà Phát	215.267.102	185.616.400
Công ty TNHH Thép cán nguội Hoà Phát	61.653.459	35.537.939
Công ty TNHH Thương Mại Hoà Phát	59.871.193	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoà Phát	41.565.542	-
Công ty TNHH Điện Lạnh Hoà Phát	20.025.000	23.184.639
Mua hàng hóa dịch vụ		
Công ty TNHH Thương Mại Hoà Phát	56.959.606.575	59.054.395.593
Công ty Cổ phần Nội thất Hoà Phát	8.646.549.625	6.014.443.333
Công ty TNHH Ống thép Hoà Phát	7.641.224.140	6.824.351.023
Công ty TNHH Điện Lạnh Hoà Phát	2.528.809.256	1.490.846.352
Công ty Cổ phần Bông đá Hoà Phát	2.036.363.635	1.400.000.000
Công ty Quản lý khai thác KCN Phố Nối A	2.555.491.500	435.171.229
Công ty TNHH Thép cán nguội Hoà Phát	1.257.617.144	94.984.499
Công ty Chế tạo máy xây dựng và Khai thác mỏ Hoà Phát	683.415.949	1.785.734.536
Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hoà Phát	424.439.177	658.595.845
Công ty TNHH Huy Phát	59.100.000	6.206.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị Hoà Phát	49.962.851	124.720.099
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoà Phát	47.726.482.281	10.910.103.813

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Mua tài sản		
Công ty Cổ phần Nội thất Hoà Phát	154.028.000	-
Công ty TNHH Điện Lạnh Hoà Phát	32.363.636	-
Công ty Quản lý khai thác KCN Phố Nối A	2.463.823.636	-
Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hoà Phát	1.827.011.044	-
Ông Trần Đình Long - Chủ tịch Hội đồng Quản trị	162.226.000.000	-
Doanh thu tài chính- lãi cho vay		
Công ty TNHH Ống thép Hoà Phát	13.922.894.445	-
Công ty TNHH Thương Mại Hoà Phát	1.799.454.445	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát	667.333.000	-
Số dư các khoản công nợ với bên liên quan:		
	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH Thiết bị phụ tùng Hòa Phát	7.258.423.756	-
Công ty Quản lý khai thác KCN Phố Nối A	26.785.000	1.242.505.311
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị Hòa Phát	28.142.198.754	1.037.128.317
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	2.549.754.444	61.675.368
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	735.000	6.360.247
Công ty Cổ phần nội thất Hòa Phát	58.867.512	132.000.000
Công ty Chế tạo Máy xây dựng và Khai thác mỏ Hòa Phát	28.675.630	50.555.506
Công ty TNHH Thép cán nguội Hoà Phát	288.750	-
Công ty Cổ phần Thép Hoà Phát	8.739.594.508	-
Công ty TNHH Thương mại Hoà Phát	38.909.280	-
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát	435.153.512	1.271.679.540
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	367.945.952	798.450.067
Công ty Chế tạo Máy xây dựng và Khai thác mỏ Hoà Phát	45.940.000	398.469.310
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	26.529.110	328.380.150
Công ty TNHH Thiết bị phụ tùng Hòa Phát	1.506.338.348	3.723.918.693
Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	50.938.033	101.624.165
Công ty TNHH Thép cán nguội Hoà Phát	28.368.002	46.556.895
Công ty Quản lý khai thác KCN Phố Nối A	14.868.225	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị Hòa Phát	14.976.000	46.166.400
Các khoản cho các công ty con, công ty liên kết vay		
	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Công ty TNHH Ống thép Hoà Phát	44.600.000.000	-
Công ty TNHH Ống thép Hoà Phát (*)	55.000.000.000	90.000.000.000
Công ty Cổ phần Nội thất Hoà Phát (*)	16.900.000.000	95.000.000.000
Công ty TNHH Điện Lạnh Hoà Phát (*)	46.900.000.000	77.500.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát	-	130.000.000.000
Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hoà Phát	7.000.000.000	-
	170.400.000.000	392.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Các khoản vay của các công ty con		
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát (*)	-	40.000.000.000
	-	40.000.000.000

(*) Công ty không tính lãi đối với các khoản vay ngắn hạn này.

Thu nhập và các khoản vay của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Thu nhập Ban Giám đốc:	1.730.933.122	3.060.108.000
Lương	822.933.122	413.160.000
Thưởng	508.000.000	-
Thù lao là thành viên Hội đồng quản trị	400.000.000	-
Lãi vay	-	2.646.948.000

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**Các công ty con sáp nhập**

Theo Hợp đồng Sáp nhập doanh nghiệp số 0112/2008/HĐ-HP ngày 27/12/2008 giữa Bên nhận sáp nhập là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát và Bên bị sáp nhập là Công ty Cổ phần Thép cán tấm Kinh Môn, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đồng ý nhận sáp nhập và Công ty Cổ phần Thép cán tấm Kinh Môn đồng ý sáp nhập toàn bộ tài sản, quyền và nghĩa vụ hợp pháp của Công ty Cổ phần Thép cán tấm Kinh Môn sang Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát. Mọi quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm được chuyển giao kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép sáp nhập.

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0403000659 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp cho Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát, thay đổi lần 6 ngày 05/01/2009 nâng mức vốn điều lệ thêm 500 tỷ đồng thành 1.500 tỷ đồng từ việc sáp nhập Công ty Cổ phần Thép cán tấm Kinh môn. Theo đó, Công ty Cổ phần Thép cán tấm Kinh Môn đã chính thức sáp nhập với Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát kể từ ngày 05/01/2009.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.